TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2018.
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;
2. Ông Đào Văn Nô.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thuyến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 376/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà N T H, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Xóm , thôn T T, xã T P, huyện T H, tỉnh T H; tạm trú: Số 1069B, tổ , khu phố A T, phường T H, thị xã T U, tỉnh B D, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông P V L, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Xóm , thôn T T, xã T P, huyện T H, tỉnh T H; tạm trú: Số 1069B, tổ , khu phố A T, phường T H, thị xã T U, tỉnh B D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N T H trình bày:

Bà H và ông P V L tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 2 năm thì tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T P, huyện T H, tỉnh T H ngày 09/02/2004. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông L thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con, mê cá độ đá bóng, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà H và ông L

đã sống ly thân khoảng 2 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà N T H yêu cầu được ly hôn với ông P V L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên P T T H, sinh ngày 11/5/2004 và P A T, sinh ngày 29/3/2011. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là bản sao chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của bà N T H; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh P T T H và P A T; Bản tự khai của bà H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N T H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông P V L được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 07/12/2017, 29/12/2017 và triệu tập tham gia phiên toà ngày 23/01/2018 và ngày 09/02/2018 nhưng ông L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc xin ly hôn với ông L; giao con chung là cháu P T T H và cháu P A T cho bà N T H nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt bị đơn ông P V L: Ông L đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lúc 14 giờ 00 phút ngày 07/12/2017 và ngày 27/12/2017, triệu tập tham gia phiên tòa lúc 09 giờ 00 phút ngày 23/01/2018 và ngày 09/02/2018, nhưng ông L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà N T H và ông P V L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2004, quyển số 01/2003 ngày 09/02/2004, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà H xác định quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất

đồng quan điểm sống, ông L thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà Hvới ông L đã ly thân khoảng hai năm. Vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L. Ông L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hoà giải, tham gia phiên toà nhưng vẫn không đến, điều này cho thấy ông L hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung tên P T T H, sinh ngày 11/5/2004 và P A T, sinh ngày 29/3/2011. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu H và cháu T hiện đang sống cùng bà ; Bản tự khai ngày 21/11/2017, cháu Hiền xin được sống cùng bà H. Do đó, việc bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N T H về việc xin ly hôn với ông P V L như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N T H được ly hôn với ông P V L.

- Về con chung: Giao cháu P T T H, sinh ngày 11/5/2004 và P A T, sinh ngày 29/3/2011 cho bà N T H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P V L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N T H và ông P V L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà N T H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013279, ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Bà N T H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông P V L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- UBND xã T P, huyện T H, tỉnh T H;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bích Huế